

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2024

“V/v ly hôn và nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Khởi.**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:**
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn, yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Ngô Hữu (Hữu) H**, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp RG, xã PL, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Xiêm L**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 nguyên đơn anh Ngô Hữu H trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị L được người quen mai mối, sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 02 tháng thì hai bên quyết định tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2001 và đến năm 2002 vợ chồng anh đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã PM, huyện KL nay là xã PL, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng anh chung sống được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, chị L bỏ đi về nhà cha, mẹ ruột sinh sống tại ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang từ năm 2018 cho đến nay. Thấy rằng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 người con chung tên Ngô Hồng T, sinh ngày 03/01/2002, giới tính nam và Ngô Trung Q, sinh ngày 15/4/2009, giới tính nam. Ngô Hồng T đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Ngô Trung Q đang sống với mẹ, anh đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, theo đơn khởi kiện anh không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là cháu Ngô Trung Q, mỗi tháng là 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị L không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Xiêm L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H do người làm mai mối quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, huyện KL nay là xã PL, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có được hai người con tên Ngô Hồng T, sinh ngày 03/01/2002, giới tính nam và Ngô Trung Q, sinh ngày 15/4/2009 đến khoảng năm 2020 sau khi vợ chồng cùng đi làm thuê ở Bình Dương được một thời gian thì anh H tự động bỏ về quê ở Giang Thành, không quan tâm chị và các con từ đó đến nay. Hiện tại theo chị được biết là do anh H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mới làm đơn xin ly hôn với chị.

Theo yêu cầu ly hôn của anh H thì chị không đồng ý mà muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống để chăm lo cho các con.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung tên Ngô Hồng T, sinh ngày 03/01/2002, giới tính nam và Ngô Trung Q, sinh ngày 15/4/2009, giới tính nam. Ngô Hồng T đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Ngô Trung Q đang sống với chị, chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con và đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh H đưa ra nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị L xác định là trong thời gian chung sống chị và anh Hoàng cũng có tài sản chung là phần hùn cất căn nhà ở huyện Giang Thành nhưng chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

- Về nợ chung: Chị L xác định là vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Ngô Hữu H vẫn giữ nguyên cầu xin ly hôn với chị L, đồng ý giao con tên Ngô Trung Q, sinh ngày 15/4/2009 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con đối với Ngô Trung Q mỗi tháng là 2.000.000đ.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Xiêm L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Ngô Hữu H và chị Nguyễn Thị Xiêm L tự nguyện đi đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa

phương, có đăng ký kết hôn tại (Ủy ban nhân dân xã PM, huyện KL) nay là xã PL, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 72 do anh H cung cấp nên hôn nhân của anh H và chị L là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, qua lời trình bày của anh H và chị L cho thấy tình cảm của vợ chồng do sự thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau trong quan hệ vợ chồng, làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau, đã được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không cải thiện được quan hệ tình cảm vợ chồng và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H cương quyết xin ly hôn với chị L.

Mặc dù, chị L không đồng ý ly hôn mà đề nghị anh H về đoàn tụ để chung sống chăm lo cho các con nhưng qua lời trình bày của chị L cho rằng anh H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn tới hôn nhân rạn nứt, còn anh H cho rằng do không hợp tính tình với nhau, chị L tự ý bỏ về cha mẹ ở và đi làm nên vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay mạnh ai nấy sinh sống, không còn quan tâm lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên vợ chồng đoàn tụ chung sống nhưng anh H không đồng ý, chị L đề nghị đoàn tụ chung sống nhưng khi xét xử Tòa án đã triệu tập chị tham gia phiên tòa để thể hiện nguyện vọng mong muốn gia đình đoàn tụ nhưng chị L cũng không đến.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H xử cho anh H và chị L ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh H và chị L xác định trong thời gian vợ chồng chung sống thì có 02 người con chung tên Ngô Hồng T, sinh ngày 03/01/2002, giới tính nam và Ngô Trung Q, sinh ngày 15/4/2009, giới tính nam. Hiện Ngô Hồng T đã trưởng thành, con chung tên Ngô Trung Q đang sinh sống cùng với anh chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị L thống nhất thỏa thuận là khi ly hôn thì đối với con tên Ngô Hồng T đã trưởng thành, anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con chung tên Ngô Trung Q đang sống với mẹ nên đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H và chị L thống nhất cấp dưỡng nuôi con là cháu Ngô Trung Q, mỗi tháng là 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Xét thấy sự thỏa thuận này giữa anh H và chị L là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và nguyện vọng của cháu Ngô Trung Q nên HĐXX ghi nhận.

Về tài sản chung: Anh H cho rằng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, chị L cho rằng có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này mà để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau. Vì vậy, HĐXX ghi nhận ý kiến này của các đương sự mà không đề cập xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về vợ chung: Anh H và chị L thống nhất xác định là vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Ngô Hữu H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ do anh H và chị L thống nhất thỏa thuận trước mở phiên tòa, tổng số tiền án phí anh Ngô Hữu H phải nộp là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0003085 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh Ngô Hữu H còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Ngô Hữu (Hữu) H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xiêm L.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Trung Q, sinh ngày 15/4/2009 cho chị Nguyễn Thị Xiêm L trực nuôi dưỡng.

- Anh Ngô Hữu H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh H có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của các đương sự không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ chung: Anh H và chị L thống nhất xác định là vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Ngô Hữu H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ do anh H và chị L thống nhất thỏa thuận trước mở phiên tòa, tổng số tiền án phí anh Ngô Hữu H phải nộp là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0003085 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh Ngô Hữu H còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng)

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- UBND xã PL, huyện GT
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh